



1967; nơi cư trú: thôn B2, xã C, huyện B1, tỉnh B, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T là công nhân hợp đồng của Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại T3 (phường C1, C2, Q), làm cùng với T có các anh Ly Mí S (sinh năm 2000, trú tại: xã K, huyện M1, tỉnh H2); Phạm Đình T2 (sinh năm 1994, trú tại: tổ 27, phường B3, thành phố L, tỉnh L). T và các anh T2, S được công ty bố trí cho ăn nghỉ tại dãy nhà tôn được xây dựng trên mặt bằng +35 mỏ than Ngã 2 Công ty than Q1 - TKV, thuộc thôn K1, xã D, thành phố C2, tỉnh Q cùng nhiều công nhân khác; trong đó anh T2 và anh S nghỉ cùng phòng. Khoảng 10 giờ ngày 23/6/2021, T cầm chiếc mỏ lết bằng kim loại dài 44cm, bản rộng nhất 11,5cm, dày 02cm (do công ty giao cho công nhân phục vụ lao động, để ở gần vị trí T ngủ) rồi đi sang phòng ngủ của các anh S và T2. Khi T vào phòng thì anh T2 đang nằm trong tư thế úp trên sạp gỗ cùng một số công nhân khác. Vị trí anh T2 nằm sát với cửa ra vào phòng, đầu quay ra phía cửa. Khi cách đầu anh T2 khoảng 20 đến 30cm, T cầm mỏ lết bằng 2 tay vung lên theo hướng từ trên xuống vụt nhiều nhát vào đầu anh T2. Tiếp đó, T bước lên sạp gỗ tiến về vị trí anh S nằm rồi lại tiếp tục dùng mỏ lết đánh anh S, anh S vung tay trái lên đỡ thì bị trúng vào khuỷu tay. T tiếp tục vung mỏ lết vụt thêm 02 nhát nữa vào vùng đầu anh S, anh S né sang phải thì bị mỏ lết đập trúng lưng trái, sau đó anh S bỏ chạy ra ngoài thì bị T cầm mỏ lết đuổi theo nhưng không đuổi được. Sau đó T chạy sang phòng của mình lấy 01 chiếc cờ lê định đuổi theo anh S nhưng các công nhân có mặt ở đó không chế, giữ lại. Anh T2 và anh S bị thương tích được đưa đến Bệnh viện đa khoa thành phố C2 cấp cứu.

Tại Bản kết luận Giám định pháp y về thương tích số 485 và 486 ngày 26/6/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Q giám định thương tích của anh Ly Mí S và anh Phạm Đình T2 như sau:

Anh Ly Mý S: Chấn thương phần mềm vùng khuỷu tay trái hiện để lại vết hằn mờ khuỷu tay trái kích thước (2,5 x 02)cm; bầm tím mặt sau vai trái kích thước (05 x 04)cm, tiên lượng khỏi, di chứng không đáng kể. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là **0%** (không phần trăm).

Anh Phạm Đình T2: Chấn thương hàm mặt sọ não, đã phẫu thuật, hiện tại hôn mê, an thần thở máy. Các tổn thương gồm: Tụ máu ngoài màng cứng đã được phẫu thuật lấy bỏ máu tụ = 05%; Chảy máu dưới màng cứng thái dương phải tiên lượng ổ chảy máu tiêu biến = 08%; Chảy máu dưới nhện khe Sylvius hai bên tiên lượng ổ chảy máu tiêu biến = 08%; Dập não thùy trán phải tiên lượng ổ dập não tiêu biến = 11%; Gãy xương đá phải = 16% Gãy thân xương bướm = 16%; Gãy cung tiếp, gò má phải = 08%; Gãy thành ngoài hốc mắt phải = 05%; Ổ mở khuyết xương vùng thái dương đỉnh phải kích thước khoảng (86 x 83)mm, đáy phập phồng = 26%; Vết mổ sọ não dài 23cm. 02 dẫn lưu sọ não: 02% + 01% + 01%; Vết thương đứt sụn vành tai phải đã khâu dài 05cm = 02%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 69% (sáu mươi chín phần trăm).

Các tổn thương nêu trên do vật tày gây nên. Chiếc mỏ lết cơ quan điều tra thu giữ hoàn toàn có thể gây ra thương tích cho anh Phạm Đình T2. Đối với anh T2, đề nghị điều trị ổn định, ra viện đến giám định bổ sung.

Sau đó anh T2 về nhà tại phường B3, thành phố L, tỉnh L tiếp tục điều trị. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q đã ủy thác việc giám định đối với anh T2 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L.

Tại Bản kết luận giám định lại pháp y về thương tích số 215/TgT ngày 06/10/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế L giám định thương tích của anh Phạm Đình T2 đã xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây lên cho anh Phạm Đình T2 là 86%.

Vật chứng thu giữ: 01 mỏ lết bằng kim loại dài 44cm, bản rộng nhất 11,5cm, dày 02cm (mỏ lết trong tình trạng đóng để khoảng hở 0,7cm, thân mỏ lết có chữ số 45CX55 đã qua sử dụng, đầu mỏ lết có bám dính chất màu nâu nghi máu, do anh Đặng Văn Nam đội trưởng quản lý công nhân xây dựng hầm lò công ty Tấn Phát giao nộp).

Thu mẫu nước tiểu của Đặng Văn T; thu mẫu niêm mạc miệng của T và các anh T2, S; thu tại hiện trường 01 mảnh vải có thấm chất màu nâu đỏ nghi là máu và một số dấu vết màu nâu nghi máu để giám định làm căn cứ xem xét, đánh giá sự việc. Thu 01 cờ lê 27 bằng kim loại dài 36cm.

Tại Kết luận giám định số 1362 ngày 26/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: Tại vị trí đầu mỏ lết gửi giám định có máu của anh Phạm Đình T2, các vị trí của mỏ lết và trên cờ lê có dấu vết tế bào người, không phân tích được kiểu gen đủ yếu tố truy nguyên cá thể.

Tại Bản kết luận giám định số 1205/KLGĐ ngày 29/6/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, kết luận: Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Đặng Văn T gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai: T không có mâu thuẫn với anh Phạm Đình T2 và anh Ly Mí S. Nguyên nhân đánh anh T2 và S là do trước đó vào tối ngày 21/6/2021, Công ty T3 tổ chức liên hoan, T có uống nhiều rượu, sau đó sử dụng ma túy đá, nhưng không nhớ sử dụng cùng với ai. Đến sáng ngày 23/6/2021, T tiếp tục uống rượu, sau đó do ảnh hưởng của việc sử dụng ma túy và uống rượu nên không làm chủ được bản thân, nên T dùng chiếc mỏ lết đánh anh T2 và anh S.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Giết người”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 24/6/2021.

2. Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 213, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Đặng Văn T và anh Phạm Đình T2: Bị cáo Đặng Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Đình T2 số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng); số tiền phục hồi sức khỏe phát sinh sau (nếu có) sẽ được các bên thực hiện khi có yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà bị cáo chưa thi hành xong thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án Quyết định thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, thông báo về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2022, bị hại Phạm Đình T2 có kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần bồi thường dân sự với lý do: mức bồi thường mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường cho bị hại thấp so với tổn thất mà bị hại phải gánh chịu, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng mức bồi thường.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận giữa người bị hại và bị cáo tại phiên tòa. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại 170.000.000đ và tiền phục hồi sức khỏe phát sinh sau (nếu có) sẽ được các bên thực hiện khi có yêu cầu là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Văn T đã đi chấp hành hình phạt, không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] *Về nội dung:* Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đặng Văn T khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp tài liệu chứng cứ có liên quan như: Bản kết luận Giám định pháp y về thương tích ngày 26/6/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Q; Bản kết luận giám định lại pháp y về thương tích số 215/TgT ngày 06/10/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế L giám định thương tích của anh Phạm Đình T2; phù hợp với vật chứng đã thu giữ được, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 10 giờ, ngày 23/6/2021, tại mặt bằng 35 mỏ than Ngã 2 Công ty than Q1 - TKV, thuộc thôn K1, xã D, thành phố C2, tỉnh Q, Đặng Văn T có hành vi cầm mỏ lết bằng kim loại dài 44cm, bản rộng nhất 11,5cm, dày 02cm nhằm vào vùng đầu anh Phạm Đình T2 đánh nhiều nhất làm anh T2 bị thương tích tổn hại **86%** (tám mươi sáu phần trăm sức khỏe). Bởi hành vi nêu trên Đặng Văn T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Giết người” thuộc trường hợp có tính chất côn đồ, quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng như người bị hại không kháng cáo về phần trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[3] Xét kháng cáo của người bị hại về phần trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử thấy:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại anh Phạm Đình T2 yêu cầu bị cáo Trung bồi thường cho anh số tiền 170.000.000đ. Số tiền đó không bao gồm tiền Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại T3 và gia đình bị cáo đã chi phí cứu chữa cho anh khi xảy ra vụ việc. Còn việc phục hồi vết thương của anh sau này nếu có anh sẽ yêu cầu bị cáo bồi thường sau. Bị cáo Đặng Văn T nhất trí với yêu cầu của người bị hại. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại buộc bị cáo Đặng Văn T có nghĩa vụ phải bồi thường cho anh Phạm Đình T2 số tiền 170.000.000đ; Đối với những chi phí phát sinh sau xét xử sơ thẩm để phục vụ cho việc chữa trị vết thương và phục hồi sức khỏe nếu có tranh chấp người bị hại có quyền thu thập hóa đơn, chứng từ để khởi kiện vụ án dân sự khác là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại kháng cáo nhưng cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

*[4] Về án phí:* Người bị hại anh Phạm Đình T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại anh Phạm Đình T2. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Đặng Văn T và anh Phạm Đình T2: Bị cáo Đặng Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Đình T2 số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng); Đối với những chi phí phát sinh cho việc chữa trị vết thương và phục hồi sức khỏe, người bị hại có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà bị cáo chưa thi hành xong thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án Quyết định thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Phạm Đình T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q;
- Bị cáo (qua trại);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Thị Thu Hà**